

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/09/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015



Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		487.279.244.849	687.158.537.599
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.671.762.658	7.159.256.124
111	1. Tiền		6.671.762.658	7.159.256.124
130	II Các khoản phải thu ngắn hạn		321.096.429.235	412.857.458.308
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	324.775.965.443	397.419.429.417
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.089.055.423	7.385.681.880
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	12.899.038.592	21.500.926.022
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.667.630.223)	(13.448.579.011)
140	III Hàng tồn kho	8	155.024.730.151	252.689.854.936
141	1. Hàng tồn kho		155.024.730.151	252.689.854.936
150	IV Tài sản ngắn hạn khác		4.486.322.805	14.451.968.231
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.486.322.805	7.431.399.471
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	7.020.568.760
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		503.362.660.202	493.558.135.385
210	I Các khoản phải thu dài hạn		160.000.000.000	160.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	13	160.000.000.000	160.000.000.000
220	II Tài sản cố định		148.262.024.377	145.754.708.104
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	132.849.972.140	130.081.365.167
222	- Nguyên giá		249.435.383.126	237.839.210.467
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(116.585.410.986)	(107.757.845.300)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.412.052.237	15.673.342.937
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.876.837.592)	(2.615.546.892)
240	III Tài sản dở dang dài hạn		26.815.009.675	26.801.522.117
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	26.815.009.675	26.801.522.117
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	150.755.041.365	150.755.041.365
251	1. Đầu tư vào công ty con		74.650.000.000	74.650.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		77.515.000.000	77.515.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.409.958.635)	(1.409.958.635)
260	V Tài sản dài hạn khác		17.530.584.785	10.246.863.799
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	17.530.584.785	10.246.863.799
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		990.641.905.051	1.180.716.672.984

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		501.603.822.503	700.781.475.415
310	I Nợ ngắn hạn		481.377.741.347	680.510.087.715
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	175.502.231.548	172.864.145.144
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.988.499.883	5.327.259.914
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.428.020.589	1.204.782.285
314	4. Phải trả người lao động		2.791.690.877	3.698.569.332
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	702.847.000	1.033.338.767
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.734.246.522	320.313.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	748.094.773	544.345.165
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	284.367.661.397	491.193.074.532
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.114.448.758	4.324.258.758
330	II Nợ dài hạn		20.226.081.156	20.271.387.700
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.226.081.156	20.271.387.700
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		489.038.082.548	479.935.197.569
410	I Vốn chủ sở hữu	20	489.038.082.548	479.935.197.569
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		18.376.148.338	18.376.148.338
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.844.311.003	33.741.426.024
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		24.740.128.074	20.119.953.364
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		18.104.182.929	13.621.472.660
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		990.641.905.051	1.180.716.672.984

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Nguyễn Thị Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015		Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014		9 tháng đầu năm 2015		9 tháng đầu năm 2014	
			VND		VND		VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	628.768.965.667		542.099.482.939		1.789.798.896.249		1.417.918.867.665	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	4.018.631.303		1.542.033.704		10.981.893.131		5.347.090.301	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		624.750.334.364		540.557.449.235		1.778.817.003.118		1.412.571.777.364	
11	4. Giá vốn hàng bán	24	595.854.804.153		519.235.727.204		1.693.380.439.652		1.344.591.072.888	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.895.530.211		21.321.722.031		85.436.563.466		67.980.704.476	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.253.231.214		4.440.966.150		13.404.345.081		15.235.826.679	
22	7. Chi phí tài chính	26	5.643.541.666		7.934.049.629		20.054.166.179		23.852.540.038	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.643.541.666		7.934.049.629		20.053.442.037		23.847.652.038	
24	8. Chi phí bán hàng	27	11.046.293.549		8.256.939.183		33.158.156.414		25.798.132.199	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	8.499.515.190		6.249.222.289		22.851.127.728		16.849.554.236	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.959.411.020		3.322.477.080		22.777.458.226		16.716.304.682	
31	11. Thu nhập khác	29	24.007.301		72.927		235.309.852		63.825.498	
32	12. Chi phí khác	30	400.413.897		90.376.791		382.539.417		90.791.312	
40	13. Lợi nhuận khác		(376.406.596)		(90.303.864)		(147.229.565)		(26.965.814)	




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
			VND	VND	VND	VND
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.583.004.424	3.232.173.216	22.630.228.661	16.689.338.868
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	1.516.674.170	324.911.416	4.526.045.732	3.016.401.330
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.066.330.254	2.907.261.800	18.104.182.929	13.672.937.538


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆCho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2015 VND	2014 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.630.228.661	16.689.338.868
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.666.205.928	9.321.808.968
03	- Các khoản dự phòng		8.219.051.212	3.966.757.802
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.294.094.217)	(10.794.860.529)
06	- Chi phí lãi vay		20.053.442.037	24.014.269.369
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.274.833.621	43.197.314.478
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		89.824.546.621	(30.843.281.821)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		97.665.124.785	(67.183.557.145)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		7.669.194.468	138.733.905.562
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.338.644.320)	6.262.612.531
14	- Tiền lãi vay đã trả		(19.721.768.873)	(23.642.593.571)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.678.281.691)	(3.512.924.136)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	4.264.916.084
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(109.134.322)	(40.033.301.310)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		216.585.870.289	27.243.090.672
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.350.739.523)	(5.012.061.735)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.095.148.303	15.235.516.047
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.255.591.220)	10.223.454.312
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.432.063.523.735	1.208.032.675.286
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.638.888.936.870)	(1.243.261.133.948)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.992.359.400)	(7.193.511.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(215.817.772.535)	(42.421.969.822)


6770
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ONG THÉP
VIỆT - ĐỨC
VG PIPE
V-T.VIN

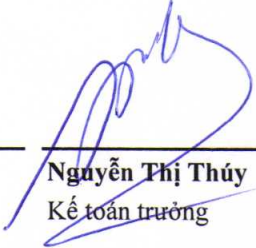
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2015 VND	2014 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(487.493.466)	(4.955.424.838)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		7.159.256.124	10.910.497.646
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	6.671.762.658	5.955.072.808


 Nguyễn Thị Thúy
 Người lập


 Nguyễn Thị Thúy
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hữu Thế
 Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 là 375,997,100,000 đồng; tương đương 37,599,710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Phụ lục số 1.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được xác định theo giá gốc.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống...) là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống/....).

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

2.22 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu (kể từ năm 2004) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.

Cũng theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	335.229.128	572.272.890
Tiền gửi ngân hàng	6.336.533.530	6.586.983.234
	6.671.762.658	7.159.256.124

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
				Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	74.650.000.000	-	(170.167.843)	74.650.000.000
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	59.950.000.000			59.950.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	14.700.000.000		(170.167.843)	14.700.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	77.515.000.000	-	(1.239.790.792)	77.515.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	66.640.000.000			66.640.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	10.875.000.000		(1.239.790.792)	10.875.000.000
	152.165.000.000	-	(1.409.958.635)	152.165.000.000
				(1.409.958.635)

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,92%	99,92%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	37,99%	37,99%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ:

	Mối quan hệ	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu			
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	30.033.240.446	16.772.136.908
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	-	355.178.910
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.248.692.044	107.645.200
Mua hàng			
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	2.147.590.914	2.791.479.259
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	-	9.863.850
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	507.893.110	212.231.075
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	13.328.666.666	15.203.333.334

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	177.092.426.674	125.615.238.713
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	27.519.186.042	29.168.310.885
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	14.506.353.624	136.031.508.886
- Các khoản phải thu khách hàng khác	105.657.999.103	106.604.370.933
	324.775.965.443	397.419.429.417

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần thép Việt Đức	Công ty con	2.506.744.624	3.785.072.333
- Công ty Cổ phần sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	900.481.392
		<u>2.506.744.624</u>	<u>4.685.553.725</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.899.038.592	-	21.500.926.022	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.333.333.333	-	2.071.333.333	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	27.263.493	-	31.030.790	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	1.440.501	-	-	-
- Tạm ứng	11.400.911.340	-	14.287.536.591	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	4.607.232.731	-
- Phải thu khác	136.089.925	-	503.792.577	-
	12.899.038.592	-	21.500.926.022	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

7 . NỢ XẤU

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	33.409.132.198	11.741.501.975	33.409.132.198	19.960.553.187
- Công ty TNHH Trường Quang	9.926.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	11.741.501.975	23.483.003.750	19.960.553.187
	33.409.132.198	11.741.501.975	33.409.132.198	19.960.553.187

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	37.546.797.085	-
Nguyên liệu, vật liệu	45.353.687.440	-	77.298.444.986	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.067.054.512	-	6.518.006.761	-
Thành phẩm	97.595.426.844	-	125.385.808.296	-
Hàng hoá	6.008.561.355	-	5.940.797.808	-
	155.024.730.151	-	252.689.854.936	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	26.815.009.675	26.801.522.117
Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh ⁽²⁾	18.226.976.663	18.226.976.663
Chi phí liên quan đến QSD đất tại Miền Nam	13.487.558	-
	26.815.009.675	26.801.522.117

(1) Chi phí chuyển nhượng hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh. Hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình chờ cấp giấy phép đầu tư.

(2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty Cổ phần Ứng thép Việt - Đức VG PIPE và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	96.698.262.413	125.571.763.440	13.883.188.082	1.685.996.532	237.839.210.467
- Mua trong kỳ		8.560.261.341	6.790.478.182		15.350.739.523
- Thanh lý, nhượng bán		(1.904.407.144)	(1.431.132.987)		(3.335.540.131)
- Giảm khác do phân loại lại	(27.720.000)	(287.144.919)	(16.740.000)	(87.421.814)	(419.026.733)
Số dư cuối kỳ	96.670.542.413	131.940.472.718	19.225.793.277	1.598.574.718	249.435.383.126
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	27.210.716.868	72.504.285.519	7.084.744.651	958.098.262	107.757.845.300
- Khấu hao trong kỳ	2.874.805.725	7.004.865.155	1.309.366.793	215.877.555	11.404.915.228
- Thanh lý, nhượng bán		(863.125.424)	(1.295.197.385)		(2.158.322.809)
- Giảm khác do phân loại lại	(27.720.000)	(287.144.919)	(16.740.000)	(87.421.814)	(419.026.733)
Số dư cuối kỳ	30.057.802.593	78.358.880.331	7.082.174.059	1.086.554.003	116.585.410.986
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	69.487.545.545	53.067.477.921	6.798.443.431	727.898.270	130.081.365.167
Tại ngày cuối kỳ	66.612.739.820	53.581.592.387	12.143.619.218	512.020.715	132.849.972.140

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Số dư cuối kỳ	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.545.721.892	69.825.000	2.615.546.892
- Khấu hao trong kỳ	261.290.700	-	261.290.700
Số dư cuối kỳ	2.807.012.592	69.825.000	2.876.837.592
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	15.673.342.937	-	15.673.342.937
Tại ngày cuối kỳ	15.412.052.237	-	15.412.052.237

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.486.322.805	7.431.399.471
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	810.000.000	1.440.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.287.871.707	4.667.292.848
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	388.451.098	1.324.106.623
b) Dài hạn	17.530.584.785	10.246.863.799
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.455.663.100	6.588.011.547
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	3.600.000.000	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	504.970.625	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.347.871.862	2.013.710.332
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.460.051.712	314.600.403
Chi phí trả trước dài hạn khác	162.027.486	1.330.541.517
	22.016.907.590	17.678.263.270

13 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000
	160.000.000.000	160.000.000.000

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, phụ lục hợp đồng cho vay ngày 20/10/2011, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay số tiền là 160 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong kỳ		30/09/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên ⁽¹⁾	282.130.467.344	282.130.467.344	616.959.603.181	761.800.000.000	137.290.070.525	137.290.070.525
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên ⁽²⁾	79.822.436.870	79.822.436.870	314.388.638.043	366.613.436.870	27.597.638.043	27.597.638.043
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ⁽³⁾	38.406.913.525	38.406.913.525	199.782.903.964	178.650.000.000	59.539.817.489	59.539.817.489
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	50.000.000.000	50.000.000.000	224.900.000.000	235.875.500.000	39.024.500.000	39.024.500.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Vĩnh Phúc ⁽⁵⁾	40.833.256.793	40.833.256.793	76.032.378.547	95.950.000.000	20.915.635.340	20.915.635.340
	491.193.074.532	491.193.074.532	1.432.063.523.735	1.638.888.936.870	284.367.661.397	284.367.661.397

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1509578/HĐTD ngày 18/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 370 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/04/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,1%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đã, đang và sẽ thế chấp, cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng và các nguồn thu nhập khác.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 15.51.0168/2015-HĐTDHM/NHCT262-Ông thép Việt Đức ngày 29/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 20/07/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 6,6%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng hóa quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa kèm theo mà 2 bên đã ký kết.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01815005/HĐTD ngày 30/06/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,0%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu từ các khách hàng lớn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 390.050/2015/HĐTD-LPBVP ngày 18/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 17/05/2016. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 05 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,2%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 25.914.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh giữa Công ty với DNTN Nam Châm theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ đã được ký kết.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 17092014/HĐTDHM/TVD-VPB ngày 29/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: Thời hạn của hợp đồng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn vay tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng lần giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,0%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay dài hạn giữa Công ty và Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐÚC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	72.123.922.914	72.123.922.914	66.236.269.292	66.236.269.292
- Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	9.529.989.168	9.529.989.168	15.651.124.046	15.651.124.046
- Công ty cổ phần Thương mại Thái Hưng	52.883.748.720	52.883.748.720	-	-
- Công ty cổ phần thương mại hàng hóa Quốc tế IPC	23.656.940.296	23.656.940.296		
- Phải trả các đối tượng khác	17.307.630.450	17.307.630.450	90.976.751.806	90.976.751.806
	175.502.231.548	175.502.231.548	172.864.145.144	172.864.145.144

Mối quan hệ

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	131.406.975	131.406.975	764.616.325	764.616.325
- Công ty CP Thép Việt Đức .	-	-	764.616.325	764.616.325
- Công ty cổ phần sản xuất thép Việt Đức	131.406.975	131.406.975	-	-
	131.406.975	131.406.975	764.616.325	764.616.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	35.092.424.317	31.736.270.874	-	3.356.153.443
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	728.622.740	728.622.740	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.158.931.170	4.526.045.732	3.678.281.691	-	2.006.695.211
Thuế Thu nhập cá nhân	-	45.851.115	647.369.647	628.048.827	-	65.171.935
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	232.502.790	232.502.790	-	-
Các loại thuế khác	-	-	623.760.000	623.760.000	-	-
	-	1.204.782.285	41.850.725.226	37.627.486.922	-	5.428.020.589

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	448.012.210	116.339.046
- Chi phí phải trả khác	254.834.790	916.999.721
	702.847.000	1.033.338.767

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	748.094.773	544.345.165
- Kinh phí công đoàn	227.458.136	348.749.617
- Bảo hiểm y tế	-	869.175
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.289.400	1.203.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	179.107.623	170.169.073
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	340.239.614	23.353.700
b) Dài hạn	20.226.081.156	20.271.387.700
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.758.081.156	1.803.387.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	20.974.175.929	20.815.732.865

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê Văn phòng	1.734.246.522	320.313.818
	1.734.246.522	320.313.818

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,

Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	17.697.863.458	30.725.983.529	476.241.470.194
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	10.765.675.738	10.765.675.738
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(683.862.386)	(7.200.662.000)	(7.884.524.386)
Số dư cuối kỳ trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	17.014.001.072	34.290.997.267	479.122.621.546
Số dư đầu kỳ này	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	18.376.148.338	33.741.426.024	479.935.197.569
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	18.104.182.929	18.104.182.929
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(9.001.297.950)	(9.001.297.950)
Số dư cuối kỳ này	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	18.376.148.338	42.844.311.003	489.038.082.548

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2015	Tỷ lệ (%)	01/01/2015	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông khác	375.997.100.000	100,00%	375.997.100.000	100,00%
- Ông Lê Minh Hải	22.660.000.000	6,03%	22.660.000.000	6,03%
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000	6,28%
- Các cổ đông khác	329.712.110.000	87,69%	329.712.110.000	87,69%
	375.997.100.000	100%	375.997.100.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp đầu kỳ	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp cuối kỳ	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.001.297.950	7.193.511.160
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	9.001.297.950	7.193.511.160

d) Cổ phiếu

	30/09/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- Cổ phiếu phổ thông	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- Cổ phiếu phổ thông	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.376.148.338	18.376.148.338
	18.376.148.338	18.376.148.338

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/09/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.939,38	221.010,86
	4.939,38	221.010,86

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	783.153.738.276	774.555.294.886
Doanh thu bán thành phẩm	984.896.719.529	628.778.041.630
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.748.438.444	14.585.531.149
	1.789.798.896.249	1.417.918.867.665

CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	9.779.029.164	5.236.230.136
Hàng bán bị trả lại	891.264.802	79.041.983
Giảm giá hàng bán	311.599.165	31.818.182
	10.981.893.131	5.347.090.301

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	778.593.941.936	767.386.935.647
Giá vốn của thành phẩm đã bán	893.084.029.982	563.712.401.449
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.702.467.734	13.491.735.792
	1.693.380.439.652	1.344.591.072.888

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.357.148.303	15.235.516.047
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	39.579.735	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.617.043	310.632
	13.404.345.081	15.235.826.679

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.053.442.037	23.847.652.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	724.142	4.888.000
	20.054.166.179	23.852.540.038

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	419.020.792	528.308.635
Chi phí nhân công	5.931.877.636	3.298.418.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	663.257.036	633.130.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.186.605.856	20.096.548.222
Chi phí khác bằng tiền	957.395.094	1.241.725.942
	33.158.156.414	25.798.132.199

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.181.381.055	1.091.288.497
Chi phí nhân công	7.791.340.589	6.090.890.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.885.282.875	1.656.115.758
Thuế, phí, lệ phí	682.948.292	531.649.198
Chi phí dự phòng	8.219.051.212	3.966.757.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.544.906.553	1.300.458.010
Chi phí khác bằng tiền	1.546.217.152	2.212.394.027
	22.851.127.728	16.849.554.236

29 . THU NHẬP KHÁC

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	63.636.364
Tiền đền bù tổn thất	234.997.100	-
Thu nhập khác	312.752	189.134
	235.309.852	63.825.498

30 . CHI PHÍ KHÁC

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	63.054.086	-
Các khoản bị phạt hợp đồng kinh tế	235.000.000	-
Chi phí khác	84.485.331	90.791.312
	382.539.417	90.791.312

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.630.228.661	16.689.338.868
Thu nhập tính thuế TNDN	22.630.228.661	16.689.338.868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành (Thuế suất 22%)	4.978.650.305	3.671.654.551
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(452.604.573)	(655.253.221)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.526.045.732	3.016.401.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.158.931.170	1.505.169.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.678.281.691)	(3.512.924.136)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.006.695.211	1.008.646.789

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

		9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
		2015	2014
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	24.744.242.271	13.202.041.325
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	224.662.438	286.297.391

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

		30/09/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	1.167.675.232	279.684.616
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức VGI Công ty con		4.900.000.000	4.450.000.000
Cho vay dài hạn			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	160.000.000.000	160.000.000.000
Phải thu lãi cho vay			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.333.333.333	2.071.333.333
Phải trả khác			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE


Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014.



Nguyễn Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2015

))